

Số: /SNV-XDCQ&CTTN

Thanh Hoá, ngày tháng 5 năm 2026

V/v hướng dẫn thẩm định,
phê duyệt danh sách đối tượng tinh
giảm biên chế đối với người hoạt
động không chuyên trách ở cấp xã,
ở thôn, tổ dân phố

Kính gửi: UBND các xã, phường.

Thực hiện Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giảm biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giảm biên chế; Sở Nội vụ hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện việc thẩm định danh sách đối tượng tinh giảm biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Khoản 4, 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, như sau:

1. Đối tượng thực hiện

1.1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh¹, nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương²; gồm 12 chức danh sau:

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.
- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ.
- Văn hóa - Xã hội - Thông tin - Truyền thông.
- Khuyến nông viên.
- Nhân viên thú y.

¹ Về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

² Theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

- Nhân viên kiểm tra quy tắc đô thị.

Lưu ý: 08 chức danh chuyên trách chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã (không kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách) tại Điểm c, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND **không thuộc đối tượng** thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, gồm:

- Chủ tịch Hội Người cao tuổi.
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.
- Chủ tịch Hội Khuyến học.
- Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong.
- Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin.
- Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bảo vệ quyền trẻ em.
- Chủ tịch Hội Làm vườn và trang trại.
- Chủ tịch Hội đồng y.

1.2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh³, dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố nghỉ ngay kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền⁴; gồm 03 chức danh sau:

- Bí thư Chi bộ.
- Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố.
- Trưởng Ban công tác Mặt trận.

Lưu ý: 02 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (không kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách) tại Điểm c, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND **không thuộc đối tượng** thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, gồm:

- Thôn, Tổ đội trưởng.
- Nhân viên y tế (ở thôn đặc biệt khó khăn).

2. Thời gian và phụ cấp để tính hưởng trợ cấp tinh giản biên chế

2.1. Thời gian công tác để tính trợ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP là tổng thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở các vị trí việc làm khác⁵; trong đó:

³ Về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

⁴ Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

⁵ Khoản 5, 6 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

a) Tổng thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là **tổng thời gian đảm nhiệm các chức danh được quy định tại các văn bản sau:**

- Nghị quyết số 13/2004/NQ-HĐND ngày 18/12/2004 của HĐND tỉnh⁶.
- Quyết định số 431/2005/QĐ-UB ngày 04/02/2005 của UBND tỉnh⁷.
- Quyết định số 367/2007/QĐ-UBND ngày 30/01/2007 của UBND tỉnh⁸.
- Nghị quyết số 139/2009/NQ-HĐND ngày 16/12/2009 của HĐND tỉnh⁹.
- Quyết định số 619/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh¹⁰.
- Nghị quyết số 121/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh¹¹.
- Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh¹²;
- Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh¹³.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 gửi kèm theo)

b) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố ở các vị trí việc làm khác là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã và lực lượng vũ trang nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

2.2. Phụ cấp để tính hưởng trợ cấp tinh giản biên chế của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là phụ cấp của tháng liền kề trước khi nghỉ việc theo quy định tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì **phụ cấp hàng tháng hiện hưởng để tính trợ cấp là phụ cấp hàng tháng của chức danh hiện hưởng và không tính phụ cấp hàng tháng của chức danh kiêm nhiệm**¹⁴.

⁶ Về chế độ chính sách đối với cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn; cán bộ thôn, bản, phố.

⁷ Về số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn; cán bộ thôn, bản, phố.

⁸ Về việc điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn, bản, phố.

⁹ Về chủ trương ban hành quy định chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

¹⁰ Về chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

¹¹ Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố.

¹² Về chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, mức thù lao đối với chủ tịch các hội đặc thù ở cấp xã; chức danh, số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

¹³ Về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

¹⁴ Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

3. Trình tự thủ tục, hồ sơ thực hiện

UBND cấp xã phối hợp với cơ quan Đảng ủy, cơ quan Ủy ban MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố lập hồ sơ, thực hiện trình tự thẩm định như sau:

3.1. Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (nêu rõ đối tượng, lý do tinh giản biên chế; thời điểm đảm nhiệm chức danh, thời điểm nghỉ việc, thời gian công tác để tính trợ cấp) và các hồ sơ, tài liệu, văn bản minh chứng như:

- Quyết định, văn bản về bầu cử, phê chuẩn, chuẩn y kết quả bầu cử, tuyển chọn, hợp đồng, công nhận giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố của cơ quan có thẩm quyền.

- Quyết định, văn bản về mức phụ cấp hiện hưởng; bảng lương, bảng chi trả phụ cấp trong thời gian giữ chức danh của cơ quan có thẩm quyền.

- Hồ sơ đảng viên, bằng khen, giấy khen, văn bản điều động, tăng cường, phân công nhiệm vụ khác theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước thể hiện chức danh, quá trình công tác, thời gian đảm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Sổ Bảo hiểm xã hội (bản sao) hoặc Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội (có ý kiến xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ việc, lập hồ sơ).

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đề nghị cung cấp hồ sơ, tài liệu, văn bản nêu trên (nếu có); đề nghị UBND cấp xã phối hợp, báo cáo với cơ quan Đảng ủy, cơ quan Ủy ban MTTQ và cơ quan, đơn vị có liên quan tạo điều kiện, cung cấp theo quy định (nếu có).

3.2. UBND cấp xã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp, tổ chức thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách với các nội dung chính:

- Thẩm định đối tượng tinh giản biên chế.

- Xác định thời gian công tác để tính trợ cấp trên cơ sở thẩm định hồ sơ, tài liệu, văn bản minh chứng nêu tại Điểm 3.1 Mục 3 Công văn này (do người hoạt động không chuyên trách cung cấp và kết quả thu thập, xác minh hồ sơ, tài liệu).

- Thẩm định mức phụ cấp hiện hưởng; dự kiến kinh phí của từng đối tượng.

3.3. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Phòng Văn hóa - Xã hội, UBND cấp xã chỉ đạo Phòng Kinh tế (ở xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (ở phường) thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3.4. UBND cấp xã phối hợp với cơ quan Đảng ủy, cơ quan Ủy ban MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hội nghị, lập biên bản họp xét thông qua danh sách đối tượng thực hiện tinh giản biên chế (nội dung họp xét thực hiện như tại Điểm 3.2. và Điểm 3.3 Mục 3 Công văn này).

3.5. UBND cấp xã tổ chức niêm yết tại trụ sở làm việc, đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương về danh sách, thời gian tham gia công tác để tính trợ cấp và dự toán kinh phí chi trả trợ cấp của từng đối tượng thực hiện tinh giản biên chế.

Thời gian niêm yết, đăng tải: 10 ngày.

3.6. Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý (nếu có) và hoàn thiện hồ sơ; phối hợp với Phòng Kinh tế (ở xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (ở phường) trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

3.7. UBND cấp xã báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ (theo Phụ lục số 02 gửi kèm theo) và Sở Tài chính (theo hướng dẫn của Sở Tài chính).

Thời gian báo cáo: Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày phê duyệt.

Trên đây là hướng dẫn thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Sở Nội vụ đề nghị UBND, Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, bảo đảm đúng đối tượng, chính sách và quy định của pháp luật trong phạm vi các quyền và trách nhiệm đã được ủy quyền; quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị UBND các xã, phường phản ánh về Sở Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường;
- Lưu: VT, XDCQ&CTTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thanh Triều

**Phụ lục số 01: Danh mục
các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã,
ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

1. Chức danh cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 13/2004/NQ-HĐND ngày 18/12/2004 của HĐND tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 18/12/2004

a) Ở cấp xã:

- Phó Trưởng Công an (nơi chưa có lực lượng công an chính quy);
- Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh xã hội;
- Cán bộ làm công tác Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;
- Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh;
- Cán bộ làm công tác Văn phòng Đảng ủy.

b) Ở thôn, tổ dân phố:

- Bí thư chi bộ thôn, bản, phố;
- Trưởng thôn, bản, phố;
- Công an viên kiêm Phó Trưởng thôn, bản, phố.

2. Chức danh cán bộ không chuyên trách theo quy định tại Quyết định số 431/2005/QĐ-UB ngày 04/02/2005 của UBND tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2005 và Quyết định số 367/2007/QĐ-UBND ngày 30/01/2007 của UBND tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 30/01/2007

a) Ở cấp xã:

- Phó Trưởng Công an (nơi chưa có lực lượng công an chính quy);
- Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh & Xã hội;
- Cán bộ làm công tác Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;

- Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh;
- Cán bộ làm công tác Văn phòng Đảng ủy.

b) Ở thôn, tổ dân phố:

- Bí thư chi bộ thôn;
- Trưởng thôn;
- Công an viên kiêm Phó trưởng thôn.

3. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 139/2009/NQ-HĐND ngày 16/12/2009 của HĐND tỉnh và Quyết định số 619/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 21/2/2010

a) Ở cấp xã:

- Phó Trưởng Công an (bố trí 02 người);
- Phó chỉ huy quân sự;
- Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân (đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội nông dân Việt Nam);
- Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;
- Đài truyền thanh;
- Văn phòng Đảng uỷ;
- Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Dân số - Gia đình - Trẻ em;
- Văn hoá - Thể thao;
- Khuyến nông viên (không áp dụng đối với phường);
- Thú y (không áp dụng đối với phường).

b) Ở thôn, tổ dân phố:

- Bí thư Chi bộ;
- Trưởng thôn, bản, phố;
- Công an viên.

4. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 121/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016

a) Ở cấp xã:

- Phó Trưởng Công an (02 người);
- Phó chỉ huy Quân sự (02 người đối với cấp xã loại 1);
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;
- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;
- Đài truyền thanh;
- Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Dân số - Gia đình - Trẻ em;
- Văn hóa - Thể thao;
- Khuyến nông viên (không áp dụng đối với phường);
- Thú y (không áp dụng ở phường).

b) Ở thôn, tổ dân phố:

- Bí thư chi bộ;
- Trưởng thôn, tổ dân phố;
- Công an viên (thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn) hoặc Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường);
- Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh trật tự (thuộc xã, thị trấn) hoặc Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường);
- Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố (thuộc xã, thị trấn) hoặc Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường).
- Nhân viên y tế thôn (đối với 341 thôn thuộc 11 huyện miền núi theo Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh được bố trí 02 người, trong đó có 01 nhân viên y tế thôn là cô đỡ thôn).

5. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 22/12/2019

a) Ở cấp xã:

- Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí công an chính quy);
- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân (ở xã, thị trấn);
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy;
- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;
- Văn hóa - Xã hội - Thông tin - Truyền thông;
- Khuyến nông viên (ở xã, thị trấn);
- Nhân viên thú y (ở xã, thị trấn).

b) Ở thôn, tổ dân phố:

- Bí thư Chi bộ;
- Trưởng thôn, tổ dân phố;
- Trưởng Ban công tác Mặt trận.

6. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024

a) Ở cấp xã:

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân (ở xã, thị trấn);
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy;
- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;
- Văn hóa - Xã hội - Thông tin - Truyền thông;
- Khuyến nông viên (ở xã, thị trấn);

- Nhân viên thú y (ở xã, thị trấn);
- Nhân viên kiểm tra quy tắc đô thị (ở phường).

b) Ở thôn, tổ dân phố:

- Bí thư Chi bộ;
- Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố;
- Trưởng Ban công tác Mặt trận.

Phụ lục số 02: Tổng hợp

Kết quả phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (đợt ... ngày tháng ... năm 2026)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Hệ số	Phụ cấp hiện hưởng (1.000 đồng)	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	Thời điểm nghỉ	Tuổi khi nghỉ việc		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố		Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác		Tổng thời gian công tác		Các khoản trợ cấp được hưởng			Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (1.000 đồng)	Lý do tinh giản	
									Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp để tìm việc làm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21 = 18+19+20	22	
	Tổng cộng																					

(Danh sách này có ... người)